

# ĐO LƯỜNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CHUYỂN GIAO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

● PHAN ĐỨC DŨNG

## TÓM TẮT:

Định giá chuyển giao được hiểu là việc thực hiện chính sách giá đối với sản phẩm (tài sản hữu hình, tài sản vô hình, dịch vụ, lãi tiền vay) được chuyển dịch giữa các bên có quan hệ liên kết không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường, nhằm tối thiểu hóa tổng số thuế phải nộp của tất cả các bên liên kết trên toàn cầu. Đối với doanh nghiệp, hoạt động này nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động giữa các doanh nghiệp. Tuy nhiên, dưới góc nhìn quản lý nhà nước, hành vi này được xem là thông đồng giữa các công ty trong cùng một tập đoàn để thỏa thuận giá cả không dựa trên giá thị trường, nhằm chuyển lợi nhuận từ công ty này sang công ty khác ở các quốc gia khác nhau. Xuất phát từ thực tế này, tác giả nghiên cứu các nhân tố, như: (i) Chính sách thuế, (ii) Tỷ lệ lạm phát, (iii) Chính sách tỷ giá, (iv) Chính sách giáo dục, (v) Môi trường văn hóa, (vi) Môi trường pháp luật và (vii) Thể chế xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến chính sách định giá chuyển giao, với kết quả phân tích 515 mẫu dữ liệu phù hợp, được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện khi khảo sát các đối tượng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

**Từ khóa:** Chuyển giá, lợi nhuận, quan hệ liên kết, doanh nghiệp, thị trường.

## 1. Giới thiệu

Hoạt động định giá chuyển giao được nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment Enterprises - FDIes) và theo cách suy nghĩ thông thường, cho rằng các nhà đầu tư hay sử dụng nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp thuế, gia tăng lợi ích cục bộ cho FDIes. Do vậy, khái niệm chuyển giá được hiểu là việc thực hiện chính sách giá đối với sản phẩm (tài sản hữu hình, tài sản vô hình, dịch vụ, lãi tiền vay) được chuyển dịch giữa các bên có quan hệ liên kết nói chung và

FDIes nói riêng, không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường, nhằm tối thiểu hóa tổng số thuế phải nộp của tất cả các bên liên kết trên toàn cầu. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của doanh nghiệp, định giá chuyển giao có thể được xem xét, đánh giá trên nhiều khía cạnh nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động giữa các doanh nghiệp có mối liên hệ liên kết nói chung và FDIes nói riêng, thông qua vốn đầu tư, tức là thông qua các công ty con trong tập đoàn kinh tế bằng cách tối đa hóa lợi nhuận. Việc định giá chuyển

giao giữa các bộ phận bên trong nội bộ của một doanh nghiệp, hoặc giữa các công ty con trong một tập đoàn kinh tế trong việc lựa chọn việc giá sản phẩm chuyển nhượng thực chất là giá bán sản phẩm nội bộ. Đây chính là giá bán sản phẩm giữa các đơn vị thành viên trong một doanh nghiệp, giữa đơn vị cấp dưới với đơn vị cấp trên trong một doanh nghiệp. Khi hoạch định giá sản phẩm chuyển nhượng, người lập giá đảm bảo rằng, việc định giá sản phẩm sẽ bù đắp chi phí thực hiện sản phẩm, đảm bảo lợi ích chung của toàn doanh nghiệp và kích thích các bộ phận phấn đấu tiết kiệm chi phí và tăng cường trách nhiệm với mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp. Những thành quả kinh tế mà FDIEs mang lại cho Việt Nam đã làm thay đổi diện mạo của nền công nghiệp nước nhà, nhưng làn sóng đầu tư này cũng đang khiến cho Việt Nam nhận về những hệ lụy không nhỏ cho môi trường kinh doanh và cho cả nền kinh tế trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

## 2. Tổng quan các đề tài nghiên cứu có liên quan

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam đã tăng lên rất mạnh, đóng góp vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, khu vực kinh tế này không kém phần phức tạp. Việc thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian qua cũng đã bộc lộ nhiều bất cập: các dự án nước ngoài tập trung vào khai thác các vụ dài đầu tư, tận dụng nguồn nhân công giá rẻ, khai thác tài nguyên thô gây ô nhiễm môi trường, không chú trọng chuyển giao công nghệ, đóng góp ngân sách hạn chế, và đặc biệt là nổi lên thực trạng định giá chuyển giao, trốn thuế, núp thuế ở một số tập đoàn đa quốc gia, kể cả các tập đoàn hàng đầu của thế giới (Nguyễn Thị Liên Hoa, 2003). Định giá chuyển giao nội địa và định giá chuyển giao trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đều có những điểm giống nhau về mặt hình thức, hướng đến mục tiêu cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp, dẫn đến sự cạnh tranh không bình đẳng trong môi trường kinh tế thị trường và làm giảm nguồn thu thuế của nhà nước (Nguyễn Thị Liên Hoa, 2003). Nguyễn Ngọc Thanh, Phan Đức Dũng, Nguyễn Thị Liên Hoa (2000), "Các biện pháp chống chuyển giá tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại TP. Hồ Chí Minh" - Đề tài nghiên cứu khoa học, Sở

Khoa học công nghệ môi trường TP. Hồ Chí Minh, các tác giả đã trình bày các hoạt động của các công ty đa quốc gia ở Việt Nam, nêu lên được những thực trạng của vấn đề chuyển giá và đánh giá các biện pháp chống chuyển giá đang được áp dụng tại Việt Nam trong thời gian này có phù hợp hay không. Hơn nữa, vấn đề chống chuyển giá được Việt Nam cũng như các nước trên thế giới quan tâm, đó là làm cách thế nào để xác định giá thị trường trong các giao dịch liên kết giữa các công ty đa quốc gia, mới có thể giải quyết được phần nào vấn nạn chuyển giá. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu tập trung tìm hiểu những kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về vấn đề chống chuyển giá, từ đó tìm ra những bài học bổ ích, những ứng dụng thực tiễn, giúp hoàn thiện hơn nữa công tác chống chuyển giá ở Việt Nam. Theo Nguyễn Thị Liên Hoa (2003): "Vấn đề chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam" cho rằng, chính sách chuyển giá và chiến lược bán phá giá tại các công ty có quan hệ liên kết. Tác giả đã chỉ ra các dấu hiệu nhận biết hoạt động chuyển giá, những dấu hiệu vi phạm về chế độ kế toán, thống kê và chỉ ra thế nào là có mối quan hệ liên kết. Theo tác giả, quan hệ mà bên này trực tiếp hoặc gián tiếp điều hành, kiểm soát, góp vốn, hoặc đầu tư vào bên kia, hoặc trực tiếp, gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác, hoặc cùng tham gia trực tiếp, gián tiếp vào điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào một bên khác (Phan Đức Dũng, 2008). Trên thực tế, Gruber, H. (2003) đã phát hiện ra nguy cơ định giá chuyển giao trong việc xác định giá tài sản vô hình. Các công ty có cơ hội lớn để tham gia vào định giá chuyển giao thông qua việc chuyển giao tài sản vô hình giữa các doanh nghiệp liên kết có mức thuế khác nhau. Theo Hatem Elsharawy (2006), mỗi quốc gia có một cơ chế chính sách và pháp luật khác nhau, do đó lãnh đạo doanh nghiệp cần phải hiểu biết về pháp luật tại nước sở tại trước khi tiếp nhận nhiệm vụ lãnh đạo tại một quốc gia. Các yếu tố từ nền kinh tế đóng một vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến các hoạt động định giá chuyển giao quốc tế. Vì vậy, cần thiết nghiên cứu các yếu tố của nền kinh tế ảnh hưởng đến định giá chuyển giao trong các công ty đa quốc gia. Theo quan điểm của Gipper và cộng sự (2013), nhân tố pháp lý có ảnh hưởng đáng kể đến chuẩn mực kế toán được thiết lập, ban hành và thực hiện. Ảnh hưởng pháp lý xảy ra khi

có sự thay đổi các quy định từ các cơ quan ban hành, có nghĩa là một quy định pháp lý được ban hành phải đạt được mục tiêu, phù hợp với chính sách kinh tế, xã hội và các nguyên tắc kế toán (Kothari và công sự, 2010). Hoạt động của doanh nghiệp đặt trong cộng đồng và xã hội có nghĩa là hoạt động của doanh nghiệp này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp khác trong mối quan hệ kinh tế - xã hội, cần phải có các quy định mang tính pháp lý, nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế cho toàn xã hội.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Quá trình thực hiện nghiên cứu bao gồm 2 bước chính: (1) nghiên cứu tổng quát và (2) nghiên cứu chi tiết. Đối với bước nghiên cứu tổng quát, tác giả đề tài sử dụng phương pháp định tính, tác giả tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Sau đó, nghiên cứu tiến hành khám phá các nhân tố tác động đến chính sách định giá chuyển giao của FDIEs tại Việt Nam. Tiếp đến điều chỉnh và bổ sung chúng thông qua kỹ thuật tham vấn ý kiến chuyên gia và thảo luận nhóm. Bên cạnh đó, nghiên cứu kết hợp với các lý thuyết nền có liên quan để làm cơ sở giải thích các vấn đề nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu sử dụng ở bước nghiên cứu tổng quát chủ yếu là các phương pháp nghiên cứu định tính, như: phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, phân tích và so sánh... Đối với bước nghiên cứu chi tiết, tất cả các biến sẽ được phân tích theo phương pháp định lượng thông qua các kỹ thuật, bao gồm: tập hợp dữ liệu khảo sát bằng cách chọn mẫu và gửi bảng khảo sát trực tiếp đến các đối tượng có liên quan, kiểm tra lại mô hình đo lường, mô hình lý thuyết, cũng như các giả thuyết trong mô hình...

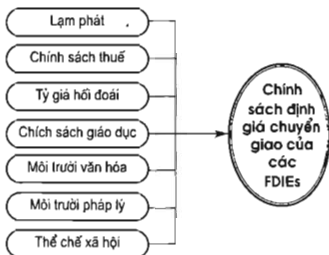
**4. Các lý thuyết nền có liên quan**

Lý thuyết thông tin bất cân xứng (Asymmetric information theory), dựa theo quy luật về sự cân bằng giữa cung và cầu trong kinh tế học vì mô cổ điển dựa trên giả định cơ bản là tất cả các bên tham gia giao dịch mua hay bán hàng hóa và dịch vụ đều chia sẻ những thông tin như nhau trong quá trình ra quyết định kinh tế. Do đó, việc vận dụng lý thuyết thông tin bất cân xứng nhằm diễn giải cho nhân tố môi trường văn hóa và thể chế xã hội. Lý thuyết tín hiệu được sử dụng rộng rãi làm nền tảng cho các nghiên cứu giải thích cách thức mà những người quản lý cấp cao nhất của các doanh nghiệp truyền đạt thông tin về chất lượng hay giá trị của doanh nghiệp đến nhà đầu tư, nên việc vận

dụng lý thuyết tín hiệu trong mô hình nghiên cứu nhằm diễn giải cho nhân tố chính sách thuế; nhân tố môi trường văn hóa; và nhân tố môi trường pháp lý. Lý thuyết ủy nhiệm hay lý thuyết đại diện (Agency Theory) chỉ ra mối liên hệ đại diện để cập về mối liên hệ dưới dạng hợp đồng giữa hai, hoặc nhiều bên, trong đó một hoặc nhiều người được gọi là bên ủy nhiệm thuê một hoặc nhiều người khác được gọi là bên được ủy nhiệm thay mặt bên ủy nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ và được phép thực hiện các quyết định liên quan...

**5. Mô hình nghiên cứu đề xuất và giả thuyết nghiên cứu**

Từ cơ sở lý thuyết và kết quả của các nghiên cứu trước, xác định khe hở trong nghiên cứu, mô hình nghiên cứu được đề xuất như Hình minh họa:



Giả thuyết (H1): Tỷ lệ lạm phát (LP) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H2): Chính sách thuế (CST) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H3): Chính sách tỷ giá (CSTG) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H4): Chính sách giáo dục (CSGD) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H5): Môi trường văn hóa (MTVH) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao FDIes.

Giả thuyết (H6): Môi trường pháp luật (MTPL) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H7): Các quy định về thể chế

(TCXH) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIEs.

**6. Kết quả nghiên cứu và bàn giải**

Trong nghiên cứu này, mẫu được chọn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Dữ liệu sau khi điều tra về đã được tác giả làm sạch trước khi đưa vào nhập liệu. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho các thang đo cũng cho thấy tất cả các biến quan sát trong các thang đo đều lớn hơn 0,5, đạt độ tin cậy cần thiết, phù hợp. (Bảng 1, 2)

phải học để có được nó. Văn hóa của mỗi dân tộc có những nét đặc thù khác biệt nhau. Sự ảnh hưởng của văn hóa đối với mọi chức năng kinh doanh quốc tế như tiếp thị, quản lý nguồn nhân công, sản xuất tài chính... ở nhiều nơi, đặc biệt những nơi có tính tự hào dân tộc cao. Mặc khác, Nhà nước cần phải hoàn thiện thể chế xã hội liên quan đến việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và thu hút vốn, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài đến các địa phương trong cả

**Bảng 1.**

Coefficients <sup>a</sup>							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.400	.166		2.412	.016	
	LP	.066	.030	.090	2.211	.027	650 1.538
	CST	.137	.033	.151	4.197	.000	.825 1.213
	TGHD	.094	.031	.116	3.024	.003	.732 1.366
	CSGD	.088	.031	.118	2.823	.005	618 1.619
	MTVH	.242	.031	.301	7.874	.000	.732 1.366
	MTPL	.139	.028	.183	5.026	.000	.804 1.244
	TCXH	.093	.032	.110	2.887	.004	738 1.355

a. Dependent Variable: CSCG

Phương trình hồi quy bội:

$$CSCG = 0,301 * MTVH + 0,110 * TCXH + 0,151 * CST + 0,183 * MTPL + 0,116 * TGHD + 0,118 * CSGD + 0,090 * LP$$

**Bảng 2.**

Model Summary <sup>a</sup>					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.676a	.457	.450	.49472	1.040

a. Predictors: (Constant), TCXH, CST, MTPL, MTVH, TGHD, LP, CSGD  
b. Dependent Variable: CSCG

Từ kết quả của mô hình nghiên cứu cho thấy, để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động định giá chuyển giao đối với các FDIEs trong cả nước, cần phải xây dựng môi trường văn hóa xã hội lành mạnh. Bởi lẽ, ưu điểm của văn hóa là giúp cho việc giao lưu quan hệ giữa người với người trở nên dễ dàng hơn, luôn luôn đưa ra những thói quen chung về cách nghĩ và cách cảm nhận của mọi người, văn hóa phải được học tập và nghiên cứu, không chỉ là sự kế thừa truyền thống mà người ta

nước, với những ưu đãi không làm thiệt đến môi trường đầu tư chung cả nước; Đồng thời, cần phải phát huy tính chủ động, tôn trọng các tổ chức dân sự, để các tổ chức này cùng tham gia vào quản trị xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước. Trong đó, chú trọng hoàn thiện chính sách thuế, thuế suất, đặc biệt là thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp, cần rà soát tổng thể hệ thống thuế có thể giảm các loại thuế hoặc điều chỉnh cho phù hợp,

có sự thay đổi các quy định từ các cơ quan ban hành, có nghĩa là một quy định pháp lý được ban hành phải đạt được mục tiêu, phù hợp với chính sách kinh tế, xã hội và các nguyên tắc kế toán (Kothari và cộng sự, 2010). Hoạt động của doanh nghiệp đặt trong cộng đồng và xã hội có nghĩa là hoạt động của doanh nghiệp này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp khác trong mối quan hệ kinh tế - xã hội, cần phải có các quy định mang tính pháp lý, nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế cho toàn xã hội.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Quá trình thực hiện nghiên cứu bao gồm 2 bước chính: (1) nghiên cứu tổng quát và (2) nghiên cứu chi tiết. Đối với bước nghiên cứu tổng quát, tác giả để tài sử dụng phương pháp định tính, tác giả tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Sau đó, nghiên cứu tiến hành khám phá các nhân tố tác động đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes tại Việt Nam. Tiếp đến điều chỉnh và bổ sung chúng thông qua kỹ thuật tham vấn ý kiến chuyên gia và thảo luận nhóm. Bên cạnh đó, nghiên cứu kết hợp với các lý thuyết nền có liên quan để làm cơ sở giải thích các vấn đề nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu sử dụng ở bước nghiên cứu tổng quát chủ yếu là các phương pháp nghiên cứu định tính, như: phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, phân tích và so sánh... Đối với bước nghiên cứu chi tiết, tất cả các biến sẽ được phân tích theo phương pháp định lượng thông qua các kỹ thuật, bao gồm: tập hợp dữ liệu khảo sát bằng cách chọn mẫu và gửi bằng khảo sát trực tiếp đến các đối tượng có liên quan, kiểm tra lại mô hình đo lường, mô hình lý thuyết, cũng như các giả thuyết trong mô hình...

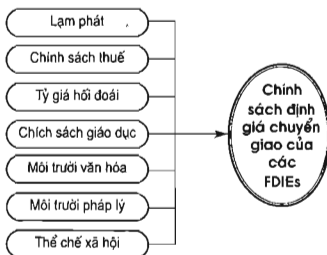
**4. Các lý thuyết nền có liên quan**

Lý thuyết thông tin bất cân xứng (Asymmetric information theory), dựa theo quy luật về sự cân bằng giữa cung và cầu trong kinh tế học vi mô cổ điển dựa trên giả định cơ bản là tất cả các bên tham gia giao dịch mua hay bán hàng hóa và dịch vụ đều chia sẻ những thông tin như nhau trong quá trình ra quyết định kinh tế. Do đó, việc vận dụng lý thuyết thông tin bất cân xứng nhằm diễn giải cho nhân tố môi trường văn hóa và thể chế xã hội. Lý thuyết tín hiệu được sử dụng rộng rãi làm nền tảng cho các nghiên cứu giải thích cách thức mà những người quản lý cấp cao nhất của các doanh nghiệp truyền đạt thông tin về chất lượng hay giá trị của doanh nghiệp đến nhà đầu tư, nên việc vận

dụng lý thuyết tín hiệu trong mô hình nghiên cứu nhằm diễn giải cho nhân tố chính sách thuế; nhân tố môi trường văn hóa; và nhân tố môi trường pháp lý. Lý thuyết ủy nhiệm hay lý thuyết đại diện (Agency Theory) chỉ ra mối liên hệ đại diện để cập về mối liên hệ dưới dạng hợp đồng giữa hai, hoặc nhiều bên, trong đó một hoặc nhiều người được gọi là bên ủy nhiệm thuê một hoặc nhiều người khác được gọi là bên được ủy nhiệm thay mặt bên ủy nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ và được phép thực hiện các quyết định liên quan...

**5. Mô hình nghiên cứu đề xuất và giả thuyết nghiên cứu**

Từ cơ sở lý thuyết và kết quả của các nghiên cứu trước, xác định khe hở trong nghiên cứu, mô hình nghiên cứu được đề xuất như Hình minh họa:



Giả thuyết (H1): Tỷ lệ lạm phát (LP) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H2): Chính sách thuế (CST) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H3): Chính sách tỷ giá (CSTG) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H4): Chính sách giáo dục (CSGD) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H5): Môi trường văn hóa (MTVH) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H6): Môi trường pháp luật (MTPL) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIes.

Giả thuyết (H7): Các quy định về thể chế

(TCXH) của nước nhận đầu tư có tương quan đến chính sách định giá chuyển giao của FDIEs.

**6. Kết quả nghiên cứu và bàn giải**

Trong nghiên cứu này, mẫu được chọn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiên. Dữ liệu sau khi điều tra về đã được tác giả làm sạch trước khi đưa vào nhập liệu. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho các thang đo cũng cho thấy tất cả các biến quan sát trong các thang đo đều lớn hơn 0,5, đạt độ tin cậy cần thiết, phù hợp. (Bảng 1, 2)

phải học để có được nó. Văn hóa của mỗi dân tộc có những nét đặc thù khác biệt nhau. Sự ảnh hưởng của văn hóa đối với mọi chức năng kinh doanh quốc tế như tiếp thị, quản lý nguồn nhân công, sản xuất tài chính... ở nhiều nơi, đặc biệt những nơi có tính tự hào dân tộc cao. Mặc khác, Nhà nước cần phải hoàn thiện thể chế xã hội liên quan đến việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và thu hút vốn, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài đến các địa phương trong cả

**Bảng 1.**

Coefficients <sup>a</sup>							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	400	166		2.412	.016		
LP	.066	.030	.090	2.211	.027	.650	1.538
CST	.137	.033	.151	4.197	.000	.825	1.213
TGHD	.094	.031	.116	3.024	.003	.732	1.366
CSGD	.088	.031	.118	2.823	.005	.618	1.619
MTVH	.242	.031	.301	7.874	.000	.732	1.366
MTPL	.139	.028	.183	5.026	.000	.804	1.244
TCXH	.093	.032	.110	2.887	.004	.738	1.355

a. Dependent Variable: CSCG

Phương trình hồi quy bội:

$$CSCG = 0,301 * MTVH + 0,110 * TCXH + 0,151 * CST + 0,183 * MTPL + 0,116 * TGHD + 0,118 * CSGD + 0,090 * LP$$

**Bảng 2.**

Model Summary <sup>a</sup>					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.676a	.457	.450	49472	1.040

a. Predictors: (Constant), TCXH, CST, MTPL, MTVH, TGHD, LP, CSGD

b. Dependent Variable: CSCG

Từ kết quả của mô hình nghiên cứu cho thấy, để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động định giá chuyển giao đối với các FDIEs trong cả nước, cần phải xây dựng môi trường văn hóa xã hội lành mạnh. Bởi lẽ, ưu điểm của văn hóa là giúp cho việc giao lưu quan hệ giữa người với người trở nên dễ dàng hơn, luôn luôn đưa ra những thói quen chung về cách nghĩ và cách cảm nhận của mọi người, văn hóa phải được học tập và nghiên cứu, không chỉ là sự kế thừa truyền thống mà người ta

nước, với những ưu đãi không làm thiệt đến môi trường đầu tư chung cả nước; Đồng thời, cần phải phát huy tính chủ động, tôn trọng các tổ chức dân sự, để các tổ chức này cùng tham gia vào quản trị xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước. Trong đó, chú trọng hoàn thiện chính sách thuế, thuế suất, đặc biệt là thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp, cần rà soát tổng thể hệ thống thuế có thể giảm các loại thuế hoặc điều chỉnh cho phù hợp,

đồng thời cần sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật về thuế và các Luật có liên quan. Nhà nước cần có văn bản pháp lý quy định khi doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam, trong khoảng thời gian nhất định, nếu lỗ kéo dài thì phải nộp thuế trên tỷ lệ vốn đầu tư hoặc doanh thu, nếu không tuân thủ thì buộc phải ngừng hoạt động. Ngoài ra, cần phải có hệ thống pháp luật vững chắc, tạo thuận lợi cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp áp dụng thực hiện, trên nguyên tắc công khai, minh bạch, chi phí vận hành và tuân thủ thấp, hướng tới tuân thủ các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Hiện nay, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BTC là cơ sở pháp lý cần thiết, không chỉ có ý nghĩa trong kiểm soát chuyển giá, mà còn có ích trong việc quản lý giá thị trường, nâng cao tính minh bạch của nền kinh tế. Nhà nước cần phải hoàn thiện chính sách tỷ giá, bởi lẽ, khi đồng tiền một quốc gia mất giá, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo toàn vốn đầu tư và lợi nhuận của các nhà đầu tư, cũng là nguyên nhân thúc đẩy hành vi chuyển giá của FDIEs. Vì vậy, cần từng bước xây dựng cơ chế, hành lang pháp lý, môi trường hoạt động nhằm đưa nghiệp vụ thị trường mở lên đúng vị trí của nó trong việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kiểm soát giá cả, lạm phát và mức bội chi ngân sách nhà nước liên quan đến các chính sách đầu tư quốc gia. Chính sách giáo dục cần hướng đến nhân bản và dân tộc mới đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp... Do đó, giải pháp ổn định tiền tệ cũng góp

phần hạn chế động lực chuyển giá của FDIEs, đồng thời có tác dụng thu hút thêm nhiều nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tương lai.

### **7. Kết luận**

Thông qua cơ sở lý thuyết và các lý thuyết liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài, như: Lý thuyết thông tin bất cân xứng, Lý thuyết tín hiệu, Lý thuyết ủy nhiệm hay lý thuyết đại diện, Lý thuyết các bên liên quan - đại diện, Các lý thuyết về chấp nhận và khuếch tán, Lý thuyết nguồn lực doanh nghiệp, Lý thuyết lập quy kinh tế và các nghiên cứu liên quan, tác giả xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách định giá chuyển giao của FDIEs tại Việt Nam bao gồm: (i) Chính sách thuế, (ii) Tỷ lệ lạm phát, (iii) Chính sách tỷ giá, (iv) Chính sách giáo dục, (v) Môi trường văn hóa, (vi) Môi trường pháp luật và (vii) Thể chế xã hội. Kết quả phân tích 515 mẫu dữ liệu phù hợp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện khi khảo sát các đối tượng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam đã cho thấy: tất cả 7 yếu tố được phân tích đều có ảnh hưởng tích cực đến chính sách định giá chuyển giao của FDIEs tại Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học để giúp tác giả đưa ra các khuyến nghị về chính sách, giúp chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền có cơ sở vững chắc hơn trong việc đề ra các chính sách phù hợp, giúp hạn chế được tình trạng định giá chuyển giao trong FDIEs ■

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (VNU-HCM), mã số đề tài C2019-34-03.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Gruber, H. (2003), *Intangible income, Intercompany transactions, income shifting and the choice of location*, *National Tax Journal* 56 (1, Part 2), 221-242.
2. Geoffrey Hodgson (2006) "What Are Institutions?" *Journal of Economic Issues*, XL: 1, 1-25.
3. Hatem Elsharawy (2006), *Developing Controlling and Performance Evaluation of Multinational Companies Operating in Egypt*. Göttingen University, Egypt.
4. Ngọc Ánh (2013), *Phát hiện nhiều vụ định giá chuyển giao tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ở Bình Dương*, *CAND online* ngày 12/3/2013 (<http://www.cand.com.vn/vi-VN/kinhte/2013/3/193886.cand>)
5. Phan Đức Dũng (1998): "Chính sách chuyển giá của các công ty đa quốc gia", *Thời báo Tài chính Việt Nam*, Số 9 (Số 43), ngày 15/9/1998.

6. Nguyễn Thị Liên Hoa (2003): "Vấn đề chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam", *Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số đề tài nghiên cứu: CS-2004-14*.
7. Võ Thành Hiếu và Phan Đức Dũng (1998) "Đầu tư liên doanh với nước ngoài - Những vấn đề đặt ra", *Thời báo Tài chính Việt Nam, Số 5 (Số 39), ngày 15/5/1998*.
8. Nguyễn Ngọc Thanh, Phan Đức Dũng, Nguyễn Thị Liên Hoa (2000a): "Các biện pháp chống chuyển giá tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại TP. Hồ Chí Minh" - *Đề tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học công nghệ môi trường TP. Hồ Chí Minh*.
9. Nguyễn Ngọc Thanh, Phan Đức Dũng, Nguyễn Thị Liên Hoa (2000b): "Vấn đề chuyển giá tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại TP. Hồ Chí Minh", *Tài liệu tham khảo, Nhà Xuất bản Tài chính năm 2000*.
10. Nguyễn Văn Trình - Phan Đức Dũng (2005): "Chi phí nghiên cứu phát triển của các công ty đa quốc gia trong chính sách định giá chuyển giao", *Tạp chí Phát triển kinh tế số 171, tháng 01/2005*.

Ngày nhận bài: 15/9/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/9/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/10/2019

Thông tin tác giả:

PGS.TS. PHAN ĐỨC DŨNG

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

## MEASURING FACTORS AFFECTING THE TRANSFER PRICE POLICY OF FOREIGN - INVESTED ENTERPRISES OPERATING IN VIETNAM

● Assoc.Prof. Ph.D PHAN DUC DUNG

University of Economics and Law,

Vietnam National University - Ho Chi Minh City

### ABSTRACT:

Transfer pricing means the implementation of a pricing policy for products (tangible products, intangible products, services and loan interest) that are transferred between related parties not in accordance with the regular price of normal transactions in the market, in order to minimize the total tax payable of all associates worldwide. Under the view of businesses, this activity aims to preserve their business capital and improve operational efficiency between businesses. However, from the perspective of state management, this behavior is considered as an illegal agreement among companies which share same interests to negotiate prices not based on market prices, in order to transfer profits from a company to the others in different countries. This study is to analyze how factors, such as (i) Tax policy, (ii) Inflation rate, (iii) Exchange rate policy, (iv) Education policy, (v) Cultural environment, (vi) Law Environment and (vii) Social institutions affect the transfer pricing policy. This study was conducted with 515 appropriate data samples. These samples were collected by the convenient sampling method when surveying foreign-invested enterprises operating in Vietnam.

**Keywords:** Transfer pricing, profit, association relationship, business, market.